

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 -12 -2020.

*“V/v Ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Văn Ngạn và bà Trần Thị Khanh

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 224/2020/TLST-HNGĐ ngày 15-10-2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST - HNGĐ ngày 01-12-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Phạm Huy H, sinh năm 1978;

ĐKKH: Ấp BX, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh BP.

Hiện cư trú: thôn BN, xã NL, huyện CG, tỉnh HD.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983;

ĐKKH và cư trú: thôn TL, xã NL, huyện CG, tỉnh HD.

- *Người làm chứng:* ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1955;

Địa chỉ: thôn TL, xã NL, huyện CG, tỉnh HD.

*Tại phiên tòa anh Phạm Huy H có mặt; chị H1, ông Nguyễn Văn H2 vắng mặt.*

**NHẬN THẤY**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Huy H trình bày:* anh và chị Nguyễn Thị H1 tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh BP vào năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại BP đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không có con chung; trước khi kết hôn 2 người đều đã có gia đình và có con riêng nên con chồng con vợ không hòa hợp, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, có khoảng cách. Đến tháng

9/2015 chị H1 bỏ về xã NL, huyện CG, tỉnh HD chung sống cùng bố mẹ đẻ và con riêng. Anh đã nhiều lần gọi điện muốn đón chị H1 về đoàn tụ nhưng chị H1 không đồng ý. Anh và chị H1 đã ly thân 5 năm nay, tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H1.

Về con chung, và tài sản chung: không có.

*Quá trình giải quyết vụ án*, Tòa án đã giao hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa để hướng dẫn viết bản tự khai, lấy lời khai; thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; thông báo quan điểm của nguyên đơn cho chị H1 thông qua ông Nguyễn Văn H2 (bố đẻ chị H1); ông Nguyễn Văn H2 xác nhận đã giao trực tiếp các giấy tờ trên cho chị H1 nhưng chị H1 đều không có mặt tại Tòa;

Ngày 09-11-2020, khi Tòa án đến làm việc, ông Nguyễn Văn H2 bật loa ngoài điện thoại trực tiếp, chị H1 trình bày: chị và anh Phạm Huy H tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã TT, thị xã ĐX, tỉnh BP. Hơn 1 năm chung sống cùng nhau chị không có hạnh phúc. Anh H và mẹ anh H thường xuyên đánh đập hành hạ chị. Do không chịu đựng được chị đã bỏ về xã NL, huyện CG ở cùng bố mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân từ đó, không quan tâm đến nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh Phạm Huy H, đồng ý ly hôn. Chị và anh H không có con chung, không có tài sản chung. Do công việc của chị đi làm đến 07 giờ tối mới về nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2020 ông Nguyễn Văn H2(bố đẻ chị H1) đề nghị:* Tòa án giải quyết cho anh H và chị H1 ly hôn càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống mỗi người.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

- Quan hệ hôn nhân: cho anh Phạm Huy H ly hôn chị Nguyễn Thị H1;
- Về con chung; tài sản chung, nợ chung: không có.
- Án phí: anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1]. Về tố tụng:

*Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* anh Phạm Huy H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị H1, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Nguyễn Thị H1 đang cư trú tại thôn TL, xã NL, huyện CG, tỉnh HD; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

*Người tham gia tố tụng:* chị H1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### [2]. Về nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* anh Phạm Huy H và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thị xã ĐX(nay là thành phố ĐX), tỉnh BP vào năm 2014, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh H, chị H1 chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015. Nay anh H, chị H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau, thống nhất ly hôn. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; việc anh H, chị H1 thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu xin ly hôn của anh Hùng là có căn cứ, Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Về quan hệ con chung:* anh H chị H1 không có con chung nên HĐXX không phải giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* anh chị đều xác định không có nên HĐXX không phải giải quyết.

*Về án phí:* anh H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Về quan hệ tình cảm:** xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Huy H và chị Nguyễn Thị H1.

**Về án phí:** anh Phạm Huy H phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000195 ngày 15-10-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Anh Phạm Huy H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

**Về quyền kháng cáo:** anh Phạm Huy H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

*(Đã ký)*

